TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1997 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 2, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện tại: Ấp 8, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Trần Minh Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 2, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 19/5/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Minh Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không còn tình cảm và không có hạnh phúc. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc C, sinh ngày 04/11/2017. Hiện tại bà đang nuôi dưỡng cháu C. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn trình bày ý kiến ngày 19/6/2023, bị đơn ông Trần Minh Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trịnh Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc C, sinh ngày 04/11/2017. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cháu C.

Về tài sản chung và nợ chung là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Bị đơn ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q được xác lập hợp pháp, thể hiện là hai người tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông Q có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chung sống không có hạnh phúc là thực tế có xảy ra. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay hai bên không thể dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà N yêu cầu ly hôn và ông Q cũng đồng ý, do đó giải quyết cho hai người được ly hôn là phù hợp. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông Q có 01 con chung tên Trần Ngọc C, sinh ngày 04/11/2017. Cháu C hiện chưa thành niên, bà N đang nuôi cháu vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cuộc sống của cháu C đã ổn định, ông Q cũng thống nhất để cho bà N nuôi cháu C. Do đó, giao cháu C cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu C mà không ai được cản trở. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông Q xác định không có tài sản chung, không ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 19/5/2023, bà N nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí. Ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị N được ly hôn với ông Trần Minh Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc C, sinh ngày 04/11/2017 cho bà Trịnh Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Ngọc C mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Trịnh Thị N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 19/5/2023, bà Trịnh Thị N nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng

(Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011198 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trịnh Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Minh Q vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- UBND xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt